

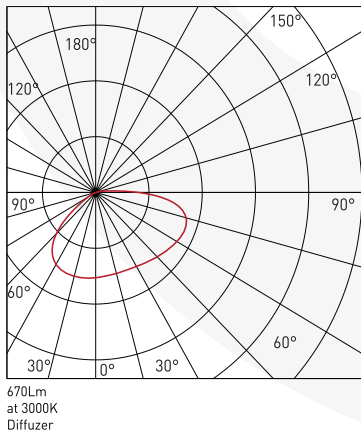
LED DECORATIVE LIGHTS

CitiSys | Model - SLV808 - 9W ÷ 20W

Model - SLV809



QUANG TRẮC (PHOTOMETRY)



TÍNH NĂNG SẢN PHẨM

- * Cột đèn chiếu sáng: 3-4m
- * Lắp trên đầu cột : Ø60
- * Công suất : 9W ÷ 20W
- * Nguồn sáng : LED Bulb, Compact,...
- * Cấp cách điện : Class I
- * Cấp bảo vệ : IP65
- * Cấp chịu va đập: 6J
- * Chụp bảo vệ: Nhựa PMMA trong suốt, vân kẻ; có hoạt chất kháng UV chống vàng hóa
- * Đế đèn bằng nhựa kỹ thuật màu đen chịu nhiệt, chịu va đập
- * Tuổi thọ (h) : ≥ 50.000 giờ
- * Ánh sáng : 3000K ÷ 6500K

PRODUCT FEATURES

- * Pole high: 3-4m
- * Installed on top of pole: Ø60
- * Power: 9W ÷ 20W
- * Light source: LED Bulb, Compact,...
- * Insulation level: Class I
- * Ingress protection : IP65
- * Impact resistance level: 6J
- * Protective cover: Transparent, striped PMMA plastic; Contains anti-UV and anti-yellowing active ingredients
- * Bridge base made of engineering plastic Heat-resistant, impact-resistant black color
- * Lifetime (h) : ≥ 50,000 hours
- * Color temperature : 3000K ÷ 6500K

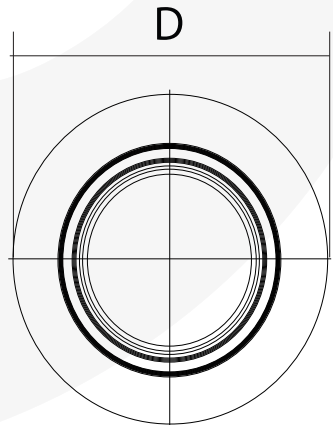
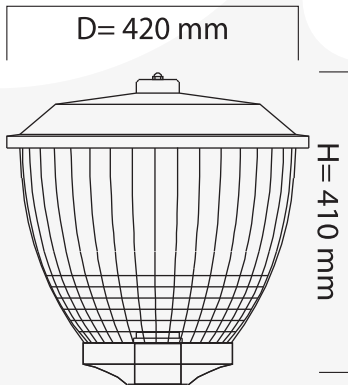
PHẠM VI ỨNG DỤNG

- * Khu dân cư, Sân vườn
- * Quảng trường, Công viên
- * Sân bay, Bến cảng, Đường đô thị
- * Bãi đậu xe, Lối đi bộ
- * Tùy chọn thành phố thông minh

APPLICATION RANGE

- * Residential Street, Garden
- * Square, Park
- * Airport, Harbor, Urban Street
- * Car park, Walkway
- * Smart city option

THÔNG TIN CHI TIẾT KỸ THUẬT, BẢN VẼ HÌNH CHIẾU (TECHINICAL DETAILS INFORMATION, DIMENSIONS)



Model	Quang hiệu Luminous Efficacy	Nhiệt độ màu Color Temperature	Quang thông Luminous Flux	Chỉ số màu CRI(%) Typical CRI(Ra)	Điện áp vào Input voltage	Kích thước L*W*H Size(mm)	Hệ số công suất Rate Power Factor	Nhiệt độ môi trường Operation Temperature
SLV809-9w	120Lm/w	3000k-6500k	1080Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D420*H410	≥0,95	(-25° đến 60°)
SLV809-20w	120Lm/w	3000k-6500k	2400Lm	≥70	AC 100-265V/50HZ	D420*H410	≥0,95	(-25° đến 60°)